

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
Tỉnh Hậu Giang**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-ST
Ngày: 16-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cho
2. Bà Bùi Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị D

Địa chỉ: Ấp TH, xã TLA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Ấp TB, xã TLA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và Trần Thị D trình bày như sau: Bà và ông Hà Văn T, bà Nguyễn Thị H có quan hệ mua bán phân bón với nhau, tính đến năm 2009 thì ông T, bà H nợ bà tổng cộng

22.000.000đồng nhưng không có khả năng trả. Vì vậy, hai bên thống nhất chốt nợ và tính lãi chậm trả, mặc dù hai bên thống nhất lãi chậm trả là 3%/tháng nhưng trong quá trình tính lãi bà đã giảm nhiều cho ông T, bà H nên từ năm 2009 đến năm 2016 từ số tiền nợ gốc 22.000.000đồng, lãi phát sinh ra thêm 21.000.000đồng, ra vốn lãi là 43.000.000đồng. Ông T, bà H đã trả được 32.500.000đồng, đến nay còn nợ 10.500.000đồng. Việc chốt nợ tiền phân bón có làm biên bản hai bên thống nhất ký tên.

Ngoài ra ông T, bà H còn mượn của bà số tiền 37.000.000đồng để đóng nợ hụi, hẹn 3 tháng sẽ trả 5.000.000đồng nhưng đến nay không trả được phần nào.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả cho bà tiền phân bón còn nợ là 10.500.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này từ năm 2016 đến nay.

Đối với số tiền 37.000.000đồng do ông T, bà H vi phạm thỏa thuận trả nợ nên bà yêu cầu tính lãi từ ngày 05/02/2017 (thời điểm sau 3 tháng theo thỏa thuận ban đầu) đến nay theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng là 10%/năm. Bà tính tròn từ 05/02/2017 đến 05/7/2022 nay là 05 năm và 05 tháng ra số tiền là 20.000.000đồng, đã giảm bớt một phần cho bị đơn.

Như vậy, bà yêu cầu ông T, bà H phải trả cho bà 10.500.000đồng tiền phân bón, 37.000.000đồng nợ vay gốc và 20.000.000đồng nợ lãi, tổng cộng là 67.500.000đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn là Hà Văn T và Nguyễn Thị H trình bày thống nhất như sau: Năm 2009, vợ chồng ông bà có nợ bà Trần Thị D số tiền mua phân bón là 22.000.000đồng, tính lãi chậm trả đến năm 2016 ra 43.000.000đồng, ông bà đã trả được 32.500.000đồng, còn lại 10.500.000đồng.

Đối với số tiền 37.000.000đồng bà D cho rằng ông bà mượn của bà D, ông bà cũng đồng ý trả số tiền này. Tóm lại vợ chồng ông bà đồng ý trả cho bà D số tiền mua phân bón còn nợ là 10.500.000đồng và số tiền mượn là 37.000.000đồng, ông, bà không đồng ý trả lãi vì hiện tại ông bà gặp nhiều khó khăn, không có khả năng trả lãi. Đồng thời xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị D, bị đơn Hà Văn T và Nguyễn Thị H vắng mặt vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, các đương sự có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Bà D yêu cầu ông T, bà H trả số tiền 47.500.000đồng, trong đó tiền nợ mua phân bón là 10.500.000đồng không yêu cầu tính lãi, tiền vay 37.000.000đồng yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng từ ngày 02/10/2016 đến nay. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 20/7/2022 bà D chỉ yêu cầu tính lãi đối với 37.000.000đồng này với mức 10%/năm, từ ngày 05/02/2017 đến ngày 05/7/2022 tính tròn là 20.000.000đồng. Yêu cầu về lãi suất của bà D phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 280, 282, 430, 434, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị D đối với bị đơn là Hà Văn T và Nguyễn Thị H. Buộc ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị H trả cho bà Dung số tiền nợ 47.500.000đồng và lãi là 20.000.000đồng.

Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị D cho rằng ông Hà Văn T, bà Nguyễn Thị H thiếu nợ tiền mua phân bón và tiền vay không trả nên phát sinh tranh chấp. Bị đơn Hà Văn T, bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp TB, xã TLA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị D, bị đơn Hà Văn T, Nguyễn Thị H vắng mặt có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227

và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trần Thị D yêu cầu ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị H số tiền nợ mua phân bón là 10.500.000đồng, bà D không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này từ năm 2016 đến nay; yêu cầu ông T, bà H trả số tiền vay nợ gốc là 37.000.000đồng, lãi tính từ 05/02/2017 đến 05/7/2022 là 20.000.000đồng.

[3.1] Đối với số tiền nợ mua phân bón: Ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị H thừa nhận có nợ bà Trần Thị D số tiền mua phân bón là 22.000.000đồng từ năm 2009. Bà D tính tiền lãi đến năm 2016 là 21.000.000đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 43.000.000đồng, ông T, bà H thừa nhận số nợ này, các bên khai thống nhất là bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 32.500.000đồng, còn lại 10.500.000đồng, bị đơn đồng ý trả. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Tuyết, bà H thừa nhận nợ và đồng ý trả số tiền còn lại là 10.500.000đồng theo yêu cầu của bà D, bà D không yêu cầu tính lãi chậm trả từ năm 2016 đến nay là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn.

[3.2] Đối với số tiền 37.000.000đồng nguyên đơn cho rằng cho bị đơn mượn vào ngày 05/10/2016, thỏa thuận là cứ 3 tháng thì phải trả 5.000.000đồng, không tính lãi, nhưng ông T, bà H không trả nợ như thỏa thuận. Ông T bà H thừa nhận có nợ bà D số tiền này, đồng ý trả nhưng không đồng ý trả lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 37.000.000đồng và đồng ý trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền nợ 37.000.000đồng: Hội đồng xét xử xét thấy, các bên thừa nhận có vay tiền từ ngày 05/10/2016, thỏa thuận 03 tháng trả 5.000.000đồng đến khi hết nợ, không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên sau thời hạn 3 tháng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với thời gian tính lãi từ 05/02/2017 đến 05/7/2022 với mức lãi suất bằng 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Cụ thể từ ngày 05/02/2017 đến 05/7/2022 là 05 năm 05 tháng với số tiền là: $[(37.000.000\text{đồng} \times 10\%) \times 5 \text{ năm}] + [\{(37.000.000\text{đồng} \times 10\%) / 12\} \times 6] = 18.500.000\text{đồng} + 1.541.000\text{đồng (tính tròn)} = 20.041.000\text{đồng}$,

nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 20.000.000đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bị đơn là Hà Văn T và Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền bằng 5% số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là $67.500.000\text{đồng} \times 5\% = 3.375.000\text{đồng}$.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 463, 466, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị D đối với bị đơn Hà Văn T và Nguyễn Thị H.

Buộc ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Trần Thị D số tiền 67.500.000đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị H chậm trả số tiền 67.500.000đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) nêu trên thì ông T, bà H còn phải trả cho bà D số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn là ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.375.000đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Chúc Linh